



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
INSULCURE 20 PT B**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm INSULCURE 20 PT B

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được Chất làm cứng.
xác định

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Độc tính sinh sản loại 2 - H361f

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Câu cảnh báo nguy cơ

H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H361f Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản.
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

INSULCURE 20 PT B

| | |
|-----------------------|--|
| Câu phòng ngừa | <p>P264 Rửa sạch da bị nhiễm hóa chất sau khi sử dụng hóa chất.</p> <p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.</p> <p>P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.</p> <p>P308+P313 NẾU bị phơi nhiễm hoặc có lo ngại: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.</p> <p>P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.</p> |
| Bao gồm | 4,4'-ISOPROPYLIDENEDIPHENOL, 3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE, DIETHYLENETRIAMINE |

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

| | |
|---|--------------|
| 3,6,9-TRIAZUNDECAMETHYLENEDIAMINE | 5-10% |
| Số CAS: 112-57-2 | |
| Phân loại | |
| Độc tính cấp tính loại 4 - H312 | |
| Ăn mòn da loại 1B - H314 | |
| Mẩn cảm da loại 1 - H317 | |
| Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411 | |
| 4,4'-ISOPROPYLIDENEDIPHENOL | 5-10% |
| Số CAS: 80-05-7 | |
| Phân loại | |
| Tổn thương mắt loại 1 - H318 | |
| Mẩn cảm da loại 1 - H317 | |
| Độc tính sinh sản loại 2 - H361f | |
| Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335 | |
| DIETHYLENETRIAMINE | 1-5% |
| Số CAS: 111-40-0 | |
| Phân loại | |
| Độc tính cấp tính loại 4 - H302 | |
| Độc tính cấp tính loại 4 - H312 | |
| Ăn mòn da loại 1B - H314 | |
| Tổn thương mắt loại 1 - H318 | |
| Mẩn cảm da loại 1 - H317 | |

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

| | |
|--------------------|--|
| Sự hít phải | Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục. |
| Sự ăn phải | Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Không cố nôn ra. Rửa miệng. |

INSULCURE 20 PT B

Tiếp xúc với da Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa. Bông hóa chất phải được điều trị bởi bác sĩ.

Tiếp xúc với mắt Có thể gây hủy hoại vĩnh viễn nếu không rửa mắt với nhiều nước ngay lập tức. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

Sự ăn phải Sản phẩm này gây ăn mòn. Gây hại nếu nuốt phải. Có thể gây bỏng hóa chất trong miệng, thực quản và dạ dày. Có thể gây tổn thương nội tạng trầm trọng.

Tiếp xúc với da Ăn mòn da và mắt. Gây bỏng. Dị ứng phát ban.

Tiếp xúc với mắt Sản phẩm này gây ăn mòn. Tiếp xúc với hóa chất đậm đặc có thể rất nhanh chóng gây hủy hoại mắt trầm trọng, có thể bị mù.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp Dập lửa với cacbon dioxit và bột khô. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt bằng bình xịt nước và đưa chúng ra khỏi khu vực cháy nếu có thể thực hiện một cách an toàn.

Cách chữa cháy không phù hợp Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy.

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Các sản phẩm cháy nguy hại Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy Keep up-wind to avoid fumes. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp nếu hệ thống thông gió kém. Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt. In case of spills, beware of slippery floors and surfaces.

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường Tránh hoặc hạn chế tối đa việc tạo ra ô nhiễm môi trường.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Bao xung quanh khu vực tràn đổ bằng cát, đất hoặc các vật liệu không dễ cháy phù hợp khác để tránh việc chảy vào ống thoát nước. Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Dán nhãn thùng chứa chất thải và các chất liệu nhiễm hóa chất và đưa ra khỏi khu vực càng sớm càng tốt. Giội rửa khu vực bị ô nhiễm với nhiều nước. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

INSULCURE 20 PT B

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Về bảo hộ cá nhân, xem Phần 8. For waste disposal, see section 13.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Loại găng tay thích hợp nhất nên được lựa chọn sau khi tham vấn với nhà cung cấp/nhà sản xuất găng tay, những người có thể cung cấp thông tin về thời gian thấm thấu của chất liệu làm găng. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thấm thấu ít nhất 8 giờ. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Các biện pháp về vệ sinh Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Rửa ngay lập tức với xà phòng và nước nếu da vừa bị nhiễm hóa chất. Cởi bỏ ngay lập tức quần áo vừa bị ướt hoặc nhiễm hóa chất. Rửa vào cuối mỗi ca làm việc và trước khi ăn, hút thuốc và sử dụng toilet.

Bảo hộ cho hô hấp Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc hơi hữu cơ. Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

INSULCURE 20 PT B

| | |
|--|---|
| Hình dáng bên ngoài | Chất lỏng màu. |
| Màu sắc | Vàng hổ phách. |
| Độ pH | Không xác định. |
| Điểm nóng chảy | Không xác định. |
| Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi | >160°C @ |
| Điểm chớp cháy | >93°C Không xác định. |
| Tỷ lệ hóa hơi | Không xác định. |
| Áp suất hơi | <1 mm Hg @ °C |
| Tính dễ bay hơi của hợp chất hữu cơ | Sản phẩm này chứa hàm lượng VOC tối đa là 0 . |

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

| | |
|--|--|
| Khả năng hoạt động của chất | Các chất liệu sau có thể phản ứng với sản phẩm này: Chất liệu oxy hóa. |
| Mức độ ổn định của chất | Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị. |
| Khả năng gây ra phản ứng nguy hại | Không có phản ứng nguy hại tiềm tàng nào được biết đến. |
| Các tình trạng cần tránh | Tránh nhiệt. Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Chất oxy hóa mạnh. Phản ứng với các chất liệu sau có thể sinh nhiệt: Kiềm. Amin. Tránh tiếp xúc với axit. |
| Các vật liệu cần tránh | Axit mạnh. Kiềm - hữu cơ. Chất oxy hóa mạnh. |
| Các sản phẩm cháy nguy hại | Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. |

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc tính cấp tính- qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 50.000,0

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 110.000,0

| | |
|------------------------|---|
| Sự hít phải | Hơi này có thể gây kích ứng cho họng/hệ hô hấp. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Ho. Hít ở nồng độ cao trong khoảng thời gian dài có thể gây hủy hoại hệ hô hấp. |
| Sự ăn phải | Nuốt phải hóa chất đậm đặc có thể gây tổn thương nội tạng trầm trọng. Có thể gây bỏng hóa chất trong miệng, thực quản và dạ dày. |
| Tiếp xúc với da | Gây kích ứng da. Sản phẩm chứa một lượng nhỏ chất gây mẫn cảm. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm. |

INSULCURE 20 PT B

| | |
|-------------------------|--|
| Tiếp xúc với mắt | Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng. Có thể gây mờ thị lực và hủy hoại mắt nghiêm trọng. |
| Đường vào cơ thể | Qua đường thở Ingestion. Tiếp xúc với da và/hoặc mắt |
| Cơ quan mục tiêu | Mắt Da Hệ hô hấp, phổi |
| Cần nhắc y học | Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm. |

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Sản phẩm này chứa các chất độc hại với sinh vật thủy sinh và có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Không có dữ liệu có sẵn.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác Không xác định.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc. Chất thải được phân loại là chất thải nguy hại. Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 2735

Số UN (IMDG) 2735

Số UN (ICAO) 2735

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) POLYAMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S (DIETHYLENETRIAMINE)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) POLYAMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S (DIETHYLENETRIAMINE)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) POLYAMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S (DIETHYLENETRIAMINE)

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 8

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 8

Nhóm IMDG 8

Nhóm/ mục ICAO 8

INSULCURE 20 PT B**Nhãn vận chuyển****Nhóm đóng gói**

Nhóm đóng gói Đường III
bộ/Đường sắt

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-B

Số xác định nguy hại (Đường 80
bộ/Đường sắt)

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 4

Ngày thay thế 29/04/2016

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H302 Gây hại nếu nuốt phải.
H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H361f Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản.
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.